

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN BÌNH
Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Sơn Nhất, ngày 07 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng 2026 như sau:

Dvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	-	
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	
1	Lệ phí	-	-	-	
	Lệ phí....				
	Lệ phí....				
2	Phí	-	-	-	
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	
1	Chi sự nghiệp	-	-	-	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	Lệ phí	-	-	-	
	Lệ phí....				
	Lệ phí....				
2	Phí	-	-	-	
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.109	5.057	21,88%	60,88%
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.109	5.057	21,88%	60,88%
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-	-	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	23.109	5.057	21,88%	60,88%
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	40	4	11,12%	66,80%
4.3	Kinh phí cải cách tiền lương	23.069	5.053	21,90%	60,83%
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-	-	
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B			-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B			-	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-	-	
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				-
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	
5.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				



Giám đốc

Bs. CK II. Võ Văn Hùng